

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Tuấn T2 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh B (theo Giấy ủy quyền số 06/GUQ-UBND ngày 07/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Kỳ Q - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Người khởi kiện Công ty TNHH X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện trình bày:

Năm 2014 do nhu cầu mở rộng mặt bằng nhà máy, Công ty TNHH X đã xin và được UBND tỉnh chấp thuận địa điểm và cho thuê đất để mở rộng nhà máy chế biến đá granite. Trong quá trình san ủi mặt bằng trên đất có một số đá khối UBND tỉnh đã cho phép doanh nghiệp được tận thu và doanh nghiệp đã nộp ngân sách nhà nước với số tiền: 916.145.000 đồng (*Chín trăm mười sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo tính toán của các sở, ban ngành. Từ khi được thuê đất đến nay, doanh nghiệp đang thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, nộp tiền thuê đất hàng năm theo quy định. Doanh nghiệp đang hoạt động bình thường, vô có UBND tỉnh ra Quyết định thu hồi số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 (*được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/7/2022*) về việc thu hồi đất đã cho Công ty TNHH X thuê đất để đầu tư xây dựng nhà máy C xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Nêu lý do thu hồi đất: “Trước đây UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho các doanh nghiệp mở rộng mặt bằng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến đá Granite xuất khẩu, trong đó có việc tận thu đá. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc khai thác tận thu đá ảnh hưởng đến môi trường, đời sống nhân dân trong khu vực.” Lý do thu hồi trên là không đúng thực tiễn, bởi trong quá trình thi công, Công ty TNHH X không có hồ sơ vi phạm về môi trường, vi phạm về việc sử dụng đất, không vi phạm về việc tận thu đá. Theo quy định tại Điều 16 Luật Đất đai thì Nhà nước quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: "a) Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; b) Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai; c) Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người." Do đó, Công ty TNHH X không thuộc đối tượng bị thu hồi đất theo Luật Đất đai đã quy định. Ngày 28/2/2023 Công ty TNHH X có nhận được Quyết định số 576/QĐ-UBND "V/v giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH X. Địa chỉ: Lô B, Khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q. (Lần đầu)". Trong đó có nội dung:

"Công ty TNHH X không có hồ sơ môi trường liên quan đến việc sử dụng diện tích đất 9.714m² được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê nêu trên. Theo Dự án Đầu tư và Thuyết minh biện pháp tổ chức thi công hạng mục san nền, kê mái công trình mở rộng nhà máy chế biến đá của Công ty TNHH X nêu: Đến tháng 7 năm

2017 là hoàn thành với diện tích 17.486,7m². Tuy nhiên, Công ty TNHH X không thực hiện theo Dự án Đầu tư và Thuyết minh biện pháp tổ chức thi công như Công ty đã đưa ra".

Nguyên nhân Công ty TNHH X không thực hiện thi công theo đúng tiến độ đã được phê duyệt như sau: Ngày 17/10/2016 UBND tỉnh có Công văn số 4654/UBND-KT về việc "Chấm dứt việc tận thu đá tại núi H, phường T, thành phố Q". Công ty TNHH X đã chấp hành theo chỉ đạo của UBND tỉnh dừng toàn bộ hoạt động thi công phần mở rộng. Sau đó, ngày 16/3/2017 Đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra thực địa, xác định rằng Công ty TNHH X đã ngừng hoạt động khai thác tận thu tại khu vực mở rộng mặt bằng tại thời điểm kiểm tra. Đồng thời, Đoàn công tác có yêu cầu Công ty tiếp tục ngừng thi công mặt bằng diện tích mở rộng (có Biên bản làm việc kèm theo). Đối với Hồ sơ môi trường, khi phê duyệt phương án thi công Cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có hướng dẫn Công ty TNHH X lập hồ sơ môi trường. Đối với việc Sở T3 đề nghị cung cấp số tài khoản tại Văn bản 2418/STC-QLNS ngày 24/9/2019, công ty đã trả lời theo Công văn số 22/CV-XN ngày 27 tháng 9 năm 2019 có nêu rõ lý do phía công ty không nhận tiền hoàn trả. Tiếp đó, Sở T3 có công văn số 151/STC-QLGCS ngày 13/1/2023 yêu cầu Công ty phối hợp cung cấp thông tin để giải quyết hoàn trả chi phí đã đầu tư và phía Công ty TNHH X có trả lời bằng Công văn số 032023/CV-XN ngày 16 tháng 1 năm 2023 có nội dung không đồng ý theo hướng giải quyết của Sở T3. Do đó, việc trích dẫn rằng Công ty TNHH X không cung cấp hồ sơ là không đúng với sự thật dẫn đến kết luận giải quyết khiếu nại không rõ ràng. Thông qua những nội dung nêu trên, cho thấy việc thu hồi đất là trái quy định của Pháp luật. Đồng thời, Cơ quan có thẩm quyền khi xác minh để giải quyết khiếu nại, thu thập thông tin chưa đầy đủ, chưa đúng với sự thật dẫn đến Quyết định giải quyết khiếu nại không rõ ràng. Vì vậy, nay Công ty TNHH X yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B đã cho Công ty TNHH X thuê để đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy C xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại phường T, thành phố Q; hủy Quyết định số 2348 ngày 28 tháng 07 năm 2022 của UBND tỉnh B về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh; hủy Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH X. Địa chỉ: Lô B, Khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q (lần đầu).

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

2. Người bị kiện trình bày:

Ngày 01/4/2014, UBND tỉnh B ban hành văn bản số 1202/UBND-KTN về việc giới thiệu địa điểm để Công ty TNHH X chuẩn bị đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy C, với diện tích 24.408,7m² tại phường T, thành phố Q, với nội dung: UBND thành phố Q chỉ đạo thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định; giao Sở T chủ trì, phối hợp với các Sở Tài chính, Xây dựng, Ban quản lý khu

kinh tế, Ủy ban nhân dân thành phố Q, UBND phường T và các Cơ quan có liên quan đề xuất thành lập Tổ công tác kiểm tra, xác định cụ thể trữ lượng và chất lượng của sỏi đá khối trên mặt bằng khu đất, báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện việc đánh giá, thu tiền nộp vào ngân sách Nhà nước khi cho phép khai thác tận thu theo quy định. Công ty TNHH X phải lập dự án đầu tư, lập thiết kế mặt bằng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định; lập thủ tục xin phép tận thu đá khối trên mặt bằng đất; sau khi hoàn thành các bước nêu trên, phải lập hồ sơ xin thuê đất theo đúng quy định. Việc san ủi mặt bằng chỉ được thực hiện sau khi Doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục thuê đất theo quy định. Khi tiến hành đầu tư xây dựng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng dùng chung của Khu công nghiệp P không gây sạt lở núi, không làm ảnh hưởng đến các Doanh nghiệp xung quanh đảm bảo an toàn hành lang đường dây điện trong quá trình xây dựng và sản xuất theo quy định. Ngày 27/5/2014, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3302/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng diện tích mở rộng nhà máy chế biến đá Granite của Công ty TNHH X. Ngày 23/7/2014, UBND tỉnh ban hành văn bản số 3097/UBND-KTN về việc phê duyệt trữ lượng đá khối thu hồi trên mặt bằng Công ty TNHH X xin mở rộng tại phường T: Đá khối màu vàng nhạt là $508,12\text{m}^3$; đá khối màu xám trắng là $9.654,33\text{m}^3$, đá làm vật liệu xây dựng thông thường là $23.034,9\text{m}^3$; Giao Sở T3 xác định giá trị đá khối thu hồi để Công ty TNHH X nộp vào Ngân sách Nhà nước. Ngày 30/7/2014, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 4811/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Công trình khu đất mở rộng để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đá Granite của Công ty TNHH X. Theo bản đồ quy hoạch chi tiết thể hiện: Trong khu vực mở rộng mặt bằng có một phần diện tích núi đá có cao độ + 80m, sau khi hoàn thành công tác mở rộng mặt bằng có cao độ là 0,00m. Ngày 08/9/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2989/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị đá khối tận thu tại mặt bằng của Công ty TNHH X, thuộc phường T, thành phố Q, để nộp vào Ngân sách Nhà nước là 916.145.000 đồng. Ngày 30/12/2014, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8921/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, theo đó: Tổng diện tích khu đất xin mở rộng là $33.845,7\text{m}^2$; tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 617.042.080 đồng do Công ty TNHH X chi trả (trong đó: Hộ ông Hoàng Văn Đ với số tiền bồi thường hỗ trợ là 556.405.290 đồng, ông Đ đã nhận tiền bồi thường; ông Nguyễn Văn K chưa đồng ý nhận tiền; chi phí phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là 12.098.000 đồng). Ngày 13/3/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 848/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh, theo đó: Cho phép Công ty TNHH X được khấu trừ tiền ứng trước bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt vào giá trị khai thác đá tận thu phải nộp tại Điều 1 trước khi nộp vào Ngân sách Nhà nước. Công ty TNHH X có trách nhiệm nộp đủ số tiền chênh lệch còn lại (sau khi khấu trừ) vào Ngân sách Nhà nước chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và chỉ được thuê đất, khai thác đá sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định. Ngày 17/3/2015, Công ty TNHH X có Giấy nộp tiền khai thác tận thu đá theo Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh với số tiền

359.739.720 đồng vào Ngân sách Nhà nước. Ngày 08/6/2015, UBND tỉnh có Văn bản số 2556/UBND-KTN, với nội dung: Đề nghị Sở C1 phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, hướng dẫn Công ty TNHH X tổ chức thi công mở rộng mặt bằng Nhà máy chế biến đá Granite đảm bảo an toàn theo quy định. Theo dự án đầu tư và thuyết minh biện pháp tổ chức thi công hạng mục san nền, kê mái công trình mở rộng Nhà máy chế biến đá của Công ty TNHH X (nộp kèm theo Hồ sơ xin thuê đất), nêu: Giai đoạn 1: San ủi mặt bằng bắt đầu thực hiện tháng 4/2015 đến tháng 7/2017 là hoàn thành với diện tích 14.486,7m². Ngày 14/8/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2849/QĐ-UBND về việc cho Công ty TNHH X thuê đất với diện tích 9.714m² thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số A, phường T, thành phố Q để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đá Granite xuất khẩu và tiêu thụ nội địa (giai đoạn 1). Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định đến ngày 31/12/2048; hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm; Công ty ký hợp đồng thuê đất ngày 07/10/2015, được cấp GNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 21/10/2015.

Công ty TNHH X không có hồ sơ môi trường liên quan đến việc sử dụng diện tích đất 9.714m² được UBND tỉnh cho thuê nêu trên. Theo dự án đầu tư và thuyết minh biện pháp tổ chức thi công hạng mục san nền, kê mái công trình mở rộng nhà máy chế biến đá của Công ty TNHH X nêu: Đến tháng 7/2017 là hoàn thành với diện tích 14.486,7m². Tuy nhiên, Công ty TNHH X không thực hiện theo như dự án đầu tư và thuyết minh biện pháp tổ chức thi công như Công ty đã đưa ra.

Ngày 16/7/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2403/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 9.714m² nêu trên (đã trừ diện tích nằm trong hành lang an toàn Tuyến điện 4.654,7m²), lý do: Trong quá trình thực hiện việc khai thác tận thu đá ảnh hưởng đến môi trường đời sống nhân dân trong khu vực. Ngày 26/8/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2996/QĐ-UBND về việc hoàn trả cho Công ty TNHH X số tiền nộp Ngân sách Nhà nước để thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động khai thác đá tận thu tại khu vực phía Đông núi H với số tiền 762.406.505 đồng do bị thu hồi đất, không được tiếp tục khai thác đá. Đối với nội dung Công ty TNHH X hoàn trả các chi phí thuê đơn vị tư vấn lập thủ tục chuẩn bị đầu tư tiền thuê đất, tiền đã ứng thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng: Sở T3 đã có công văn số 2403/STC-QLGCS ngày 24/8/2019 gửi Công ty TNHH X đề nghị cung cấp hồ sơ chứng từ liên quan đến các khoản chi phí đề nghị hoàn trả nêu trên. Tuy nhiên, Công ty TNHH X không cung cấp hồ sơ, do đó Sở tài chính không có cơ sở đề xuất UBND tỉnh giải quyết nội dung kiến nghị của Công ty TNHH X. Ngày 28/7/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc thu hồi bổ sung Điều 3 Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh, với nội dung: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/7/2019.

Chi cục thuế thành phố Q đã ngừng lập bộ thu tiền thuê đất đối với phần diện tích 9.714m² nêu trên từ ngày 28/7/2022 và có thông báo điều chỉnh thu tiền thuê đất năm 2022.

Sau khi UBND tỉnh nhận được đơn khiếu nại Công ty TNHH X trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh rà soát hồ sơ, kết quả đối thoại và đề xuất của Sở T tại văn

bản số 244/BC-STNMT ngày 05/12/2022 về kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ, văn bản số 20/STNMT-TTRA ngày 05/01/2023 về kết quả đối thoại với Công ty TNHH X ngày 30/12/2022 và văn bản số 365/STNMT-TTRA ngày 21/02/2023 về đề xuất giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH X, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Công ty TNHH X, với nội dung: “Việc Công ty TNHH X khiếu nại Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/7/2022) về việc thu hồi diện tích 9.714m² đất nêu trên (đã trừ diện tích nằm trong hành lang an toàn tuyến điện 4.645,7m²) là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì: Việc khai thác tận thu đá mở rộng mặt bằng (địa hình là núi H) sẽ ảnh hưởng đến môi trường, đời sống của nhân dân trong khu vực”. UBND tỉnh B khẳng định Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/7/2022) của UBND tỉnh B về việc thu hồi đất đã cho Công ty TNHH X thuê đất để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đá Granite xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Công ty TNHH X là đúng quy định của pháp luật. Việc Công ty TNHH X yêu cầu hủy Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh B, hủy Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/7/2022) của UBND tỉnh B và Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở T trình bày:

Về ý kiến liên quan vụ khởi kiện của Công ty TNHH X đã được Chủ tịch UBND tỉnh B và UBND tỉnh B trình bày Sở T thống nhất theo trình bày của UBND tỉnh B, Chủ tịch UBND tỉnh B.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 30/10/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND ngày 26/11/2003, Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4 quy định về hồ sơ giao đất cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại ngày 11/11/2011;

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi đất Ủy ban nhân dân tỉnh B đã cho Công ty TNHH X thuê để đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy C xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại phường T, thành phố Q; hủy Quyết định số 2348 ngày 28/07/2022 của UBND tỉnh B về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh; hủy Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (Lần đầu) đối với Công ty TNHH X. Địa chỉ: Lô B, Khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/11/2023, người khởi kiện Công ty TNHH X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Ngày 10/11/2023, người khởi kiện Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là Công ty X) kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Công ty X giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện Công ty X, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH X.

[2]. Xét kháng cáo của Công ty X:

Do người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng: đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Ngày 01/4/2014, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định ban hành văn bản số 1202/UBND-KTN về việc giới thiệu địa điểm để Công ty X chuẩn bị đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy C, với diện tích 24.408,7m² tại phường T, thành phố Q. Ngày 14/8/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2849/QĐ-UBND về việc cho Công ty X thuê đất với diện tích 9.714m² thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số A, phường T, thành phố Q để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đá Granite xuất khẩu và tiêu thụ nội địa (giai đoạn 1). Thời hạn sử dụng đất: Từ ngày UBND

tinh ký Quyết định đến ngày 31/12/2048; hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm; Công ty ký hợp đồng thuê đất ngày 07/10/2015, được cấp GNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 21/10/2015.

UBND tỉnh B cho rằng Công ty X không có hồ sơ môi trường liên quan đến việc sử dụng diện tích đất 9.714m² được UBND tỉnh cho thuê nêu trên và không thực hiện theo như dự án đầu tư và thuyết minh biện pháp tổ chức thi công như Công ty đã đưa ra; việc khai thác tận thu đá để mở rộng mặt bằng sẽ ảnh hưởng đến môi trường, đời sống của nhân dân trong khu vực nên ngày 16/7/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 9.714m² nêu trên (ngày 28/7/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh, với nội dung: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/7/2019). Công ty X khiếu nại việc thu hồi đất nên ngày 28/02/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 576/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại của Công ty X.

Không đồng ý với các quyết định của UBND tỉnh B, các ngày 18/4/2023, 11/5/2023 và ngày 17/5/2023, Công ty X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi đất Ủy ban nhân dân tỉnh B đã cho Công ty TNHH X thuê để đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy C xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại phường T, thành phố Q; hủy Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của UBND tỉnh B về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh; hủy Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH X. Địa chỉ: Lô B, Khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q (Lần đầu). Các quyết định về việc thu hồi đất, quyết định về việc giải quyết khiếu nại nói trên là Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Xét tính có căn cứ và hợp pháp của Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, Quyết định giải quyết khiếu nại số 576/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B:

[2.2.1]. Ngày 14/8/2015, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2849/QĐ-UBND về việc cho Công ty X thuê đất với diện tích 9.714m² để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đá Granite xuất khẩu và tiêu thụ nội địa (giai đoạn 1). Ngày 06/02/2017, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 340/UBND-KT yêu cầu chấm dứt việc khai thác đá tại khu vực phía Đông núi H (trong đó có diện tích đất cho Công ty X thuê) và giao cho Sở T thành lập đoàn công tác liên ngành kiểm tra tình hình khai thác, tận thu đá. Tại Báo cáo kết quả kiểm tra số 02/BC-ĐKTLN ngày 05/9/2017 của Đoàn kiểm tra liên ngành xác định vi phạm của Công ty X: Công ty không có hồ sơ bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu đá để mở rộng mặt

bằng; việc mở rộng mặt bằng tại vị trí không thuận lợi, âm sâu vào sườn núi với độ dốc lớn, cao trình cao nhất khoảng +110m, nằm ngoài Khu công nghiệp P, khối lượng đất đá cần khai thác bóc tách để tạo mặt bằng là rất lớn đòi hỏi phải có thời gian dài, qua nhiều năm mới xử lý được (qua 02 năm Công ty X mới chỉ thu hồi được khoảng 7,5% lượng đá). Trong khi đó, mặt bằng đợt 2 nhà máy chế biến đá hiện có của Công ty với diện tích là 5.961m², Công ty chưa xây dựng nhà máy, chưa hoạt động hết công suất nhưng vẫn xin mở rộng diện tích là không thực tế. Theo Báo cáo số 02/BC-ĐKTLN ngày 05/9/2017 nêu trên, ngoài Công ty X còn có một số doanh nghiệp khác cũng chỉ tập trung khai thác đá, không tiến hành xây dựng mặt bằng để sản xuất là không phù hợp với mục tiêu mở rộng dự án. Căn cứ khối lượng đá đã khai thác thì thấy mục đích chủ yếu của doanh nghiệp chủ yếu là khai thác đá mà không phải là mở rộng mặt bằng sản xuất theo như mục đích xin thuê đất ban đầu. Chính vì vậy, ngày 03/7/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ban hành Tờ trình số 543/TTr-STNMT, đề nghị thu hồi diện tích 9.714m² đất đã cho Công ty X thuê vì lý do: trong quá trình thực hiện khai thác tận thu đá ảnh hưởng đến môi trường, đời sống của nhân dân trong khu vực. Trên cơ sở Tờ trình của Sở T, ngày 16/7/2019, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND thu hồi phần diện tích đất 9.714m² Công ty X đã ký hợp đồng thuê trước đó.

[2.2.2]. Xét trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với Công ty X, thấy rằng:

Về trình tự thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai được hướng dẫn tại Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai như sau: **xác định hành vi vi phạm Luật đất đai mà phải thu hồi đất**, trường hợp vi phạm pháp luật mà phải thu hồi đất, khi hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt (quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ) có trách nhiệm lập biên bản về vi phạm hành chính để làm căn cứ thu hồi đất; trường hợp vi phạm pháp luật đất đai không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì biên bản xác định hành vi vi phạm phải có đại diện của Ủy ban nhân dân xã L để làm căn cứ quyết định thu hồi đất, Cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức kiểm tra để xác định hành vi vi phạm, tổ chức thanh tra để xác định hành vi vi phạm.

Khoản 1 Điều 16 Luật Đất đai 2013 quy định về việc Nhà nước quyết định thu hồi đất như sau: “1. Nhà nước quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

- a) Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng;
- b) Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai;
- c) Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người”.

Tại Báo cáo kết quả kiểm tra số 02/BC-ĐKTLN ngày 05/9/2017 của Đoàn kiểm tra liên ngành xác định vi phạm của Công ty X: Công ty không có hồ sơ bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu đá để mở rộng mặt bằng nhưng thực tế

Công ty X không bị lập biên bản vi phạm hành chính hay xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm đã nêu. Quá trình kiểm tra, xác minh đến khi ban hành quyết định thu hồi đất, các cơ quan chuyên môn và UBND tỉnh B không lập biên bản xác định việc khai thác đá của Công ty X làm ảnh hưởng đến môi trường hay ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong khu vực, đây là thiếu sót từ phía cơ quan quản lý đất đai trong việc thu hồi đất. Nhưng trên cơ sở tình hình thực tế quá trình khai thác đá của doanh nghiệp đã gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống của nhân dân quanh khu vực núi H, gây bức xúc tại địa phương đã được phản ánh trên nhiều phương tiện truyền thông trong thời gian qua nên việc thu hồi lại đất đã cho Công ty X thuê là cần thiết cho việc đảm bảo an toàn môi trường, ổn định trật tự xã hội tại địa phương, và trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 01/6/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1957/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản, cảnh quan môi trường và phòng ngừa sạt lở đất tại khu vực phía Đông núi H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, trong đó có diện tích đất đã thu hồi của Công ty X.

[3]. Từ các nhận định tại mục [2] nêu trên của bản án thấy có căn cứ kết luận việc UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 thu hồi phần diện tích đất 9.714m² đã cho Công ty X thuê vì lý do việc khai thác tận thu đá để mở rộng mặt bằng ảnh hưởng đến môi trường, đời sống của nhân dân trong khu vực là có cơ sở; Quyết định giải quyết khiếu nại số 576/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không chấp nhận nội dung khiếu nại của Công ty X, giữ nguyên các quyết định thu hồi đất nêu trên là phù hợp, có căn cứ.

[4]. Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí: do bác kháng cáo nên Công ty X phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH X. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Áp dụng: Điều 16, Điều 64, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4 quy định về hồ sơ giao đất cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại ngày 11/11/2011.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi đất Ủy ban nhân dân tỉnh B đã cho Công ty TNHH X thuê để đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy C xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại phường T, thành phố Q; hủy Quyết định số 2348 ngày 28/07/2022 của UBND tỉnh B về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh B; hủy Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (Lần đầu) đối với Công ty TNHH X. Địa chỉ: Lô B, Khu công nghiệp P, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người khởi kiện Công ty TNHH X phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số số 0001858 ngày 16/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Công ty TNHH X đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Quyết định về án phí sơ thẩm của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên